

	(Vẽ và nhận xét biểu đồ)						
Tổng						22	2

2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa

* NHẬN BIẾT

Câu 1. Các đảo Nhật Bản lần lượt từ nam lên bắc là

- A. Hôn- su, Kiu-xiu, Xi-cô-cư, Hô-cai-đô. B. Xi-cô-cư, hôn-su, kiu-xiu, Hô-cai-đô.
C. Kiu-Xiu, Xi-cô-cư, Hôn-su, Hô-cai-đô. D. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Hô-cai-đô.

Câu 2. Sông ngòi Nhật Bản có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố đều trên cả nước.
B. Chủ yếu là các sông nhỏ, ngắn, dốc, có giá trị thủy điện.
C. Có nhiều sông lớn bồi tụ những đồng bằng phù sa màu mỡ.
D. Các sông có giá trị tưới tiêu nhưng không có giá trị thủy điện.

Câu 3. Dân số Nhật Bản **không** có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân cư tập trung ở các thành phố ven biển. B. Tỷ lệ người già ngày càng cao.
C. Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp. D. Quy mô dân số ngày càng tăng nhanh.

Câu 4. Ý nào dưới đây **không** đúng với địa hình Nhật Bản?

- A. Cao ở giữa, thấp về hai phía.
B. Cao ở phía tây bắc, thấp dần về phía đông nam.
C. Chủ yếu là đồi núi cao trong đó có nhiều núi lửa.
D. Chủ yếu là núi thấp và trung bình trong đó có nhiều núi lửa

Câu 5. Thiên tai gây thiệt hại lớn nhất đối với Nhật Bản là

- A. bão. B. vòi rồng. C. sóng thần. D. động đất, núi lửa.

Câu 6. Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là

- A. dân số già. B. quy mô không lớn.
C. tập trung chủ yếu ở miền núi. D. tốc độ gia tăng dân số cao.

Câu 7. Phát biểu **không** đúng về đặc điểm tự nhiên của Nhật Bản là

- A. có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau. B. nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, ít mưa.
C. địa hình chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa. D. có nhiều thiên tai động đất, núi lửa, sóng thần.

Câu 8. Khí hậu của Nhật Bản chủ yếu là

- A. hàn đới và ôn đới lục địa B. hàn đới và ôn đới hải dương.
C. ôn đới và cận nhiệt đới hải dương D. ôn đới và cận nhiệt đới lục địa.

Câu 9. Nhật Bản nằm trong khu vực khí hậu

- A. gió mùa. B. lục địa. C. chí tuyến. D. hải dương.

Câu 10. Biên giới Trung Quốc với các nước chủ yếu là

- A. núi cao và hoang mạc. B. núi thấp và đồng bằng.
C. đồng bằng và hoang mạc. D. núi thấp và hoang mạc.

Câu 11. Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm là do nguyên nhân chủ yếu nào?

- A. Tiến hành chính sách dân số triệt để. B. Sự phát triển nhanh của y tế, giáo dục.
C. Sự phát triển nhanh của nền kinh tế. D. Người dân không muốn sinh nhiều con.

Câu 12. Những thay đổi quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc là kết quả của

- A. công cuộc đại nhảy vọt. B. các kế hoạch 5 năm.
C. công cuộc hiện đại hóa. D. cuộc cách mạng văn hóa.

Câu 13. Chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào 5 ngành chính nào sau đây?

- A. Chế tạo máy, dệt may, hóa chất, sản xuất ô tô và xây dựng.
B. Chế tạo máy, điện tử, hóa chất, sản xuất ô tô và luyện kim.
C. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và luyện kim.
D. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

Câu 14. Đặc điểm chính của địa hình Trung Quốc là

- A. thấp dần từ bắc xuống nam. B. thấp dần từ tây sang đông.
C. cao dần từ bắc xuống nam. D. cao dần từ tây sang đông.

Câu 15. Miền Đông Trung Quốc thuộc kiểu khí hậu

- A. cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa. B. nhiệt đới và xích đạo gió mùa.
C. ôn đới lục địa và ôn đới gió mùa. D. cận nhiệt đới và ôn đới lục địa.

*THÔNG HIỂU

Câu 1. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc phát triển mạnh dựa trên lợi thế chủ yếu nào sau đây?

- A. Thu hút được rất nhiều vốn, công nghệ từ nước ngoài.
- B. Có nhiều làng nghề với truyền thống sản xuất lâu đời.
- C. Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng.
- D. Nguồn lao động đông đảo, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 2. Bình quân lương thực theo đầu người của Trung Quốc vẫn còn thấp là do

- A. sản lượng lương thực thấp.
- B. diện tích đất canh tác rất ít.
- C. dân số đông nhất thế giới.
- D. năng suất cây lương thực thấp.

Câu 3. Thành tựu của chính sách dân số triệt để của Trung Quốc là

- A. giảm tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.
- B. làm tăng chênh lệch cơ cấu giới tính.
- C. làm tăng số lượng lao động nữ giới.
- D. giảm quy mô dân số của cả nước.

Câu 4. Tác động tiêu cực nhất của chính sách dân số rất triệt để ở Trung Quốc là

- A. làm tăng tình trạng bất bình đẳng giới.
- B. mất cân bằng giới tính nghiêm trọng.
- C. mất cân bằng trong phân bố dân cư.
- D. tỉ lệ dân cư nông thôn giảm mạnh.

Câu 5. Những thay đổi quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc là kết quả của

- A. công cuộc đại nhảy vọt.
- B. cuộc cách mạng văn hóa .
- C. công cuộc hiện đại hóa.
- D. cải cách trong nông nghiệp.

Câu 6. Miền Tây Trung Quốc có kiểu khí hậu chủ yếu nào sau đây?

- A. Khí hậu ôn đới hải dương.
- B. Khí hậu ôn đới gió mùa.
- C. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa.
- D. Khí hậu ôn đới lục địa.

Câu 7. Vùng nông thôn ở Trung Quốc phát triển mạnh ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Dệt may.
- B. Cơ khí.
- C. Điện tử.
- D. Hóa dầu.

Câu 8. Sự phát triển của các ngành công nghiệp nào sau đây quyết định việc Trung Quốc chế tạo thành công tàu vũ trụ?

- A. Điện, luyện kim, cơ khí.
- B. Điện, chế tạo máy, cơ khí.
- C. Điện tử, cơ khí chính xác, máy tự động.
- D. Điện tử, luyện kim, cơ khí chính xác.

Câu 9. Trung Quốc **không** áp dụng chính sách, biện pháp nào trong cải cách ngành nông nghiệp?

- A. Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.
- B. Cải tạo, xây dựng hệ thống thủy lợi.
- C. Áp dụng kĩ thuật mới, phổ biến giống mới.
- D. Hạn chế xuất khẩu lương thực, thực phẩm.

Câu 10. Đồng bằng nào sau đây của Trung Quốc thường chịu nhiều thiên tai lụt lội nhất?

- A. Đông Bắc.
- B. Hoa Bắc.
- C. Hoa Trung.
- D. Hoa Nam.

Câu 11. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Nhật Bản đối với sự phát triển kinh tế hiện nay là

- A. thiếu tài nguyên khoáng sản, nhiều thiên tai.
- B. thiếu tài nguyên khoáng sản, địa hình bị chia cắt.
- C. thiếu tài nguyên khoáng sản, khí hậu khắc nghiệt.
- D. khí hậu khắc nghiệt, nhiều động đất và sóng thần.

Câu 12. Nguyên nhân chính tạo ra những sản phẩm mới làm cho công nghiệp Nhật Bản có sức cạnh tranh trên thị trường là

- A. áp dụng kĩ thuật mới, mua bằng sáng chế.
- B. duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.
- C. tập trung cao độ vào ngành then chốt.
- D. chú trọng đầu tư hiện đại hoá công nghiệp.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho ngành nông nghiệp giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Nhật Bản?

- A. Diện tích đất nông nghiệp nhỏ.
- B. Tỉ trọng rất nhỏ trong GDP.
- C. Lao động chiếm tỉ trọng thấp.
- D. Điều kiện sản xuất khó khăn.

Câu 14. Diện tích trồng lúa gạo của Nhật Bản giảm dần do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhu cầu trong nước giảm.
- B. Diện tích đất nông nghiệp ít.
- C. Thay đổi cơ cấu cây trồng.
- D. Thiên tai thường xuyên xảy ra.

Câu 15. Ý nào sau đây **không** đúng về đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su?

- A. Diện tích rộng nhất, số dân đông nhất.
- B. Các trung tâm công nghiệp rất lớn tập trung ở phần phía nam.
- C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.
- D. Nông nghiệp đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế.

* VẬN DỤNG

Câu 1. Nhật Bản tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp nhằm

- A. tự chủ nguồn nguyên liệu cho công nghiệp.
- B. tạo ra nhiều sản phẩm thu lợi nhuận cao.

- C. đảm bảo nguồn lương thực trong nước. D. tăng năng suất và chất lượng nông sản.

Câu 2. Các cây trồng phổ biến của Nhật Bản là

- A. lúa gạo, chè, thuốc lá, dâu tằm. B. lúa gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu.
C. lúa gạo, ngô, cà phê, hồ tiêu. D. lúa gạo, cà phê, thuốc lá, dâu tằm.

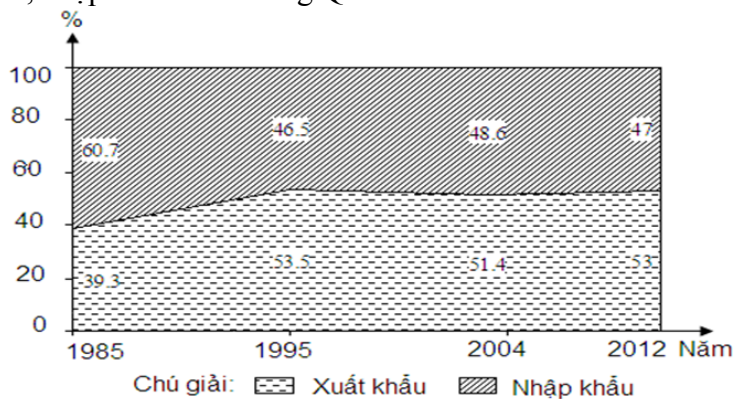
Câu 3. Ngoại thương của Nhật Bản có vai trò to lớn trong nền kinh tế chủ yếu là do

- A. thực hiện việc hợp tác phát triển với nhiều quốc gia.
B. nền kinh tế gắn bó chặt chẽ với thị trường thế giới.
C. nhu cầu về hàng hóa nhập ngoại của người dân cao.
D. hoạt động đầu tư ra các nước ngoài phát triển mạnh.

Câu 4. Nguyên nhân nào sau đây là cơ bản nhất khiến miền Tây Bắc của Trung Quốc hình thành nhiều hoang mạc và bán hoang mạc?

- A. Chịu tác động của dòng biển lạnh. B. Nằm gần xích đạo, khí hậu khô khan.
C. Nằm sâu trong lục địa, khí hậu khắc nghiệt. D. Nằm trong vùng cận cực, khí hậu khắc nghiệt.

Câu 5. Cho biểu đồ về xuất, nhập khẩu của Trung Quốc:



(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê năm 2013, NXB Thống kê 2014)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012.
B. Sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012.
C. Quy mô, cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012.
D. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2012.

* VẬN DỤNG CAO

Câu 1. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc là

- A. tai biến thiên nhiên thường xảy ra.
B. sự phân hóa về khí hậu trên lãnh thổ.
C. sự phân bố không đều nguồn tài nguyên nước giữa các vùng.
D. diện tích đất trồng bị thu hẹp do quá trình công nghiệp hóa.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ TRUNG QUỐC NĂM 2014 (Đơn vị: triệu người)

Chỉ tiêu	Tổng số	Thành thị	Nông thôn	Nam	Nữ
Số dân	1368	749	619	701	667

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2015, NXB Thống kê 2016)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về dân số Trung Quốc năm 2014?

- A. Tỷ lệ dân thành thị là 45,2%. B. Tỷ lệ dân số nam là 48,2%.
C. Tỷ số giới tính là 105,1%. D. Cơ cấu dân số cân bằng.

Câu 3. Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 1952 - 1973?

- A. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa nông nghiệp. B. Tiếp tục duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng.
C. Xóa bỏ các cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công. D. Phát triển các ngành cần nhiều khoáng sản.

2.5. Đề minh họa (ra một đề minh họa theo đúng ma trận đã thống nhất)

SỞ GD -ĐT HÀ NỘI TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ (ĐỀ MINH HỌA)	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – LỚP 11 Môn: Địa lí Thời gian làm bài: 45 phút
--	---

PHẦN I (5,0 điểm): Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (20 câu), mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của Nhật Bản là

- A. chế tạo xe máy. B. xây dựng. C. sản xuất điện tử. D. tàu biển.
Câu 2. Loại khoáng sản nào sau đây có trữ lượng lớn nhất ở Nhật Bản?
 A. Than đá và đồng. B. Than và sắt. C. Dầu mỏ và khí đốt. D. Than đá và dầu khí.

Câu 3. Nhân tố nào sau đây làm cho khí hậu Nhật Bản phân hóa thành khí hậu ôn đới và khí hậu cận nhiệt?

- A. Nhật Bản là một quần đảo. B. Các dòng biển nóng và lạnh.
 C. Nhật Bản nằm trong khu vực gió mùa. D. Lãnh thổ trải dài theo hướng Bắc - Nam.

Câu 4. Vùng biển Nhật Bản có nhiều ngư trường lớn chủ yếu do

- A. nằm ở nơi các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau. B. khí hậu ôn đới gió mùa, dòng biển nóng chảy qua.
 C. có đường bờ biển dài và vùng biển rộng. D. nằm ở nơi di lưu của các luồng sinh vật.

Câu 5. Khí hậu Nhật Bản phân hóa mạnh chủ yếu do

- A. Nhật Bản là một quần đảo ở Đông Á. B. Nhật Bản nằm trong khu vực gió mùa.
 C. lãnh thổ trải dài theo chiều Đông - Tây. D. lãnh thổ trải dài theo chiều Bắc - Nam.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tình hình dân số Nhật Bản?

- A. Đông dân, tập trung ở các thành phố ven biển. B. Tốc độ gia tăng dân số thấp và đang tăng dần.
 C. Tỷ lệ trẻ em thấp và đang giảm dần. D. Tỷ lệ người già cao và đang tăng dần.

Câu 7. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho giao thông vận tải biển của Nhật Bản phát triển mạnh mẽ?

- A. Nhu cầu của hoạt động xuất, nhập khẩu lớn. B. Đất nước quần đảo, có hàng vạn đảo lớn nhỏ.
 C. Nhu cầu đi nước ngoài của người dân cao. D. Đường bờ biển dài, có nhiều vịnh biển sâu.

Câu 8. Điều kiện thuận lợi chủ yếu để Nhật Bản phát triển đánh bắt hải sản là

- A. có nhiều ngư trường rộng lớn. B. có truyền thống đánh bắt lâu đời.
 C. ngư dân có nhiều kinh nghiệm. D. công nghiệp chế biến phát triển.

Câu 9. Cho bảng số liệu sau: GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

Đơn vị: tỉ USD

Năm	1995	2005	2010	2015
Xuất khẩu	443,1	594,9	857,1	773,0
Nhập khẩu	335,9	514,9	773,9	787,2

(Nguồn: Niên giám thống kê, 2017)

Để thể hiện giá trị xuất nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 1995 - 2015, biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Miền. C. Đường. B. Cột. D. Tròn.

Câu 10. Mục đích chính của việc đầu tư ra nước ngoài của các công ty Nhật Bản là

- A. giải quyết tình trạng thiếu lao động trầm trọng trong nước.
 B. tranh thủ tài nguyên, thị trường, sức lao động tại chỗ.
 C. bành trướng về tài chính nhằm tạo thêm lợi nhuận
 D. mở rộng ảnh hưởng chính trị của Nhật Bản đối với các nước.

Câu 11. Các dân tộc ít người của Trung Quốc phân bố rải rác ở khu vực nào sau đây?

- A. Các thành phố lớn. B. Các đồng bằng châu thổ.
 C. Vùng núi cao phía tây. D. Dọc biên giới phía nam.

Câu 12. Trung Quốc **không** áp dụng chính sách, biện pháp nào sau đây trong cải cách nông nghiệp?

- A. Giao đất cho người nông dân. B. Cải tạo tốt hệ thống thủy lợi.
 C. Đưa giống mới vào sản xuất. D. Tăng thêm thuế nông nghiệp.

Câu 13. Thế mạnh nổi bật để phát triển công nghiệp nông thôn của Trung Quốc là

- A. khí hậu khá ổn định. B. nguồn lao động dồi dào.
 C. cơ sở hạ tầng hiện đại. D. có nguồn vốn đầu tư lớn.

Câu 14. Dân tộc nào chiếm số dân đông nhất ở Trung Quốc?

- A. Hán. B. Choang. C. Tạng. D. Hồi.

Câu 15. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc giảm mạnh?

- A. Tỷ lệ xuất cư cao. B. Tỷ lệ kết hôn thấp.
 C. Áp dụng triệt để chính sách dân số. D. Tốc độ già hóa dân số rất nhanh.

- Câu 16.** Vùng trồng lúa gạo của Trung Quốc tập trung ở khu vực có khí hậu nào dưới đây?
 A. Ôn đới gió mùa và cận nhiệt gió mùa. B. Cận nhiệt gió mùa và cận nhiệt lục địa.
 C. Cận nhiệt lục địa và nhiệt đới gió mùa. D. Cận nhiệt gió mùa và nhiệt đới gió mùa.
- Câu 17.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về nền kinh tế Trung Quốc hiện nay?
 A. Quy mô GDP ngày càng tăng và đứng hàng đầu thế giới.
 B. Tốc độ tăng trưởng GDP xếp vào loại cao nhất thế giới.
 C. Thu nhập bình quân theo đầu người có xu hướng tăng nhanh.
 D. Khoảng cách về kinh tế giữa các vùng ngày càng được rút ngắn.
- Câu 18.** Giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc **không** có sự khác biệt rõ rệt về
 A. khí hậu. B. địa hình. C. diện tích. D. Sông ngòi.

- Câu 19.** Trung Quốc đã áp dụng biện pháp chủ yếu nào sau đây để thu hút đầu tư nước ngoài?
 A. Tiến hành cải cách ruộng đất. B. Phát triển kinh tế thị trường.
 C. Thành lập các đặc khu kinh tế. D. Mở các trung tâm thương mại.
- Câu 20.** Một trong những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc trong phát triển kinh tế - xã hội là
 A. thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh. B. tình trạng đói nghèo không còn phổ biến.
 C. xóa bỏ chênh lệch phân hóa giàu nghèo. D. tổng GDP đã đạt mức cao nhất thế giới.

PHẦN II (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai (2 câu, mỗi câu 4 ý). Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Khi xây dựng các đặc khu kinh tế của Trung Quốc tập trung chủ yếu ở ven biển, ở đó thường có nhiều điều kiện như:

- Cơ sở hạ tầng phát triển, đặc biệt là giao thông vận tải.
- Nguồn lao động dồi dào, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.
- Thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài và xuất, nhập khẩu hàng hóa.
- Đa dạng địa hình từ miền núi, trung du, hoang mạc và bán hoang mạc.

Câu 2. Khi đánh giá về đặc điểm dân cư của Nhật Bản:

- Phần lớn dân số Nhật Bản tập trung ở các đô thị.
- Nhật Bản là nước đông dân nhưng mật độ dân số không cao.
- Tốc độ tăng dân số Nhật Bản hiện nay thấp và đang giảm dần.
- Các đảo ở phía Bắc nhìn chung có mật độ dân số thấp hơn ở phía nam.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu: GDP VÀ SỐ DÂN CỦA TRUNG QUỐC, GIAI ĐOẠN 1995 - 2017

Năm	1995	2004	2010	2017
GDP (tỉ USD)	697,6	1649,3	5880,0	12237,7
Số dân (triệu người)	1211	1299	1347	1394

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

- Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP và dân số của Trung Quốc qua các năm?
- Phân tích tác động của một trong các đặc điểm dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Hoàng Mai, ngày 4 tháng 4 năm 2024
 TỔ (NHÓM) TRƯỞNG